

Bìa Hồ sơ đăng ký ghi danh chương trình giáo dục mầm non

Chào mừng! Vui lòng hoàn thành một bộ hồ sơ đăng ký cho mỗi trẻ và đính kèm các giấy tờ bắt buộc.

Chương trình của chúng tôi xác định khả năng đủ điều kiện tham gia dựa trên độ tuổi của trẻ và thu nhập gia đình, không phải dựa trên ngày quý vị nộp hồ sơ.

Chương trình của chúng tôi hết chỗ rất nhanh, vì vậy hãy nộp hồ sơ càng sớm càng tốt!

Thông tin trên hồ sơ đăng ký của quý vị được bảo mật và chỉ được sử dụng để xác định xem con của quý vị có đủ điều kiện tham gia Chương trình giáo dục mầm non của chúng tôi hay không.

Chúng tôi không yêu cầu, kiểm tra hoặc báo cáo về tình trạng nhập cư hoặc Department of Social and Health Services (DSHS).

Quét để biết thêm thông tin



Các giấy tờ bắt buộc phải đính kèm trong hồ sơ: Xin vui lòng liên hệ với chúng tôi nếu quý vị cần giúp đỡ trong việc hoàn thành hồ sơ đăng ký hoặc nếu quý vị thiếu bất kỳ giấy tờ bắt buộc nào dưới đây. Vui lòng điền vào đơn đăng ký bằng mực xanh hoặc đen.

Sử dụng bất kỳ loại giấy tờ nào phù hợp:	
	- Giấy tờ về thu nhập: - Tờ khai thuế thu nhập năm ngoài - Biểu mẫu W-2 của năm ngoài - Bảng lương của 12 tháng gần nhất - Thư phúc lợi Thu nhập an sinh bổ sung (Supplemental Security Income, SSI)/Hỗ trợ ngắn hạn cho gia đình khó khăn (Temporary Assistance for Needy Families, TANF)/Chương trình trợ cấp dinh dưỡng bổ sung (Supplemental Nutrition Assistance Program, SNAP) hiện tại
1	Minh chứng về thu nhập: Đính kèm bản sao chứng minh thu nhập của gia đình quý vị.
Sử dụng bất kỳ loại giấy tờ nào trong số sau:	
	- Tờ khai thuế thu nhập năm ngoài - Giấy tờ thuê nhà hoặc giấy tờ nhà đất - Thư trợ cấp (TANF, SSI, SNAP, v.v.)
2	Minh chứng về quy mô gia đình: Đính kèm bản sao chứng minh quy mô gia đình.
Sử dụng bất kỳ loại giấy tờ nào trong số sau:	
	- Giấy khai sinh của trẻ - Hộ chiếu/Thị thực - Giấy tờ nhận nuôi
3	Minh chứng về tuổi của trẻ: Đính kèm bản sao giấy tờ chứng minh ngày sinh của trẻ.
Sử dụng bất kỳ loại giấy tờ nào trong số sau:	
	- Giấy khai sinh - Hộ chiếu/Thị thực - Giấy tờ nhận nuôi - Hồ sơ chăm sóc nuôi dưỡng
4	Minh chứng về quyền giám hộ hợp pháp: Đính kèm bản sao chứng minh quyền giám hộ hợp pháp của quý vị.
Sử dụng bất kỳ loại giấy tờ nào trong số sau:	
	- Hồ sơ tiêm chủng hiện tại - IEP/IFSP hiện tại - Giấy khám sức khỏe gần nhất của trẻ - Giấy khám răng gần nhất - Minh chứng về tư cách thành viên của bộ tộc
5	Giấy tờ khác nếu có

- Hãy đảm bảo rằng quý vị đã cung cấp bằng chứng chứng minh thu nhập. Chúng tôi không thể xử lý hồ sơ đăng ký của quý vị nếu không có thông tin này.
- Hãy gọi đến văn phòng của chúng tôi nếu quý vị nhận được các loại giấy tờ khác không được liệt kê ở trên.

Gửi lại hồ sơ đã hoàn thành và các giấy tờ của quý vị đến: Địa chỉ trung tâm/địa điểm:

Kent Family Center - 13111 SE 274th St Kent WA 98030

Kent Valley Early Learning Center - 317 4th Ave S Kent WA 98032

Thông tin liên lạc:

Kent Family Center - 253 630 9590

Kent Valley Early Learning Center - 253 373 7600



KYFS Head Start & ECEAP Program Models

Kent Youth & Family Service's Early Learning consists of two Program Models:

- **School-Day** is 6.5 hours per day, Monday - Thursday & some Fridays and requires self-transport.
- **Part-Day** is 3 to 3.5 hours per day, Monday – Bus transportation limited, depending upon the site and class time.

Which Program Model is your first preference?

Due to limited School-Day openings, we cannot offer first preference to every family. If your child is not selected for a School-Day slot, you may be offered a Part-Day opening and your child can remain on the School-Day waitlist.

Mark preference: ____ School-Day (self-transportation required) ____ Part-Day

____ Please keep my child on the School-Day waitlist until an opening occurs.

Bussing needed? Yes ____ No ____

Attends Day Care? Yes ____ No ____ Before School ____ After School ____

Daycare Name: _____

Daycare Address: _____

Please **initial**:

_____ I give permission for the staff to run my child's online WA State Immunization Record

IMPORTANT: After turning in your application - Please let us know if your contact information, class preference, or transportation needs change by calling our main office at: (253) 630-9590.

Summer Office Hours starting July 7th:

If on Kent East Hill & Covington: Kent Family Center 13111 SE 274th St, Kent WA 98030 – Open Tuesdays & Wednesdays, call to verify hours, 253-630-9590.

If in downtown Kent & West Hill area: Kent Valley Early Learning Center 317 4th Ave S Kent WA 98032 – Open Wednesdays & Thursdays, call to verify hours, 253-373-7600.

STAFF ONLY

Mapped	
Spreadsheet	
ELMS	
OI/ESE Letter Sent	
Double Checked	
ESE/ERE Request	

Hồ Sơ Ghi Danh Giáo Dục Trẻ Thơ Năm 2025-2026

Early Learning Application 2025-2026



Staff Only - ChildPlus ID:	ELMS ID:	Date Received:
-----------------------------------	-----------------	-----------------------

Thông Tin về Trẻ – Thông Tin Chung | Child Information – General

Tên First Name:	Chữ Đầu Tên Đệm Middle Initial:
Họ Last Name(s):	Tên ưa thích Preferred Name:
Ngày Sinh (tháng/ngày/năm) Date of Birth (month/day/year):	
Ngày Sinh (tháng/ngày/năm) Gender: ☐ Nam M ☐ Nữ F	

Trẻ sử dụng ngôn ngữ nào tại nhà? What is this child's home language?		Ngôn ngữ thứ 2 2nd language:
Trẻ này This child speaks:	☐ Chỉ nói tiếng Anh Only English ☐ Nói cả Tiếng Anh và một ngôn ngữ khác như nhau (song ngữ) Both English and another language the same (bilingual)	☐ Nói hầu hết là Tiếng Anh và một ngôn ngữ khác Mostly English and another language ☐ * Nói một phần Tiếng Anh, hầu như là nói ngôn ngữ khác *Some English, but mostly another language ☐ *Chỉ nói một ngôn ngữ khác ngoài Tiếng Anh *Only a language other than English

Trẻ em là (Đánh dấu tất cả các câu trả lời thích hợp) Child is (check all that apply):	
☐ Người gốc Phi/Người Mỹ gốc Phi/Người Da Đen African/African American/Black ☐ Châu Á Asian ☐ Người Alaska Bản Địa/Người Mỹ Bản Địa/Người Da Đỏ Alaska Native/Native American/American Indian ☐ Người Tây Ban Nha/Latinh Hispanic/Latino	☐ Người Hawaii Bản Địa hoặc Người Đảo Thái Bình Dương Native Hawaiian or Pacific Islander ☐ Người Da Trắng White ☐ Từ chối báo cáo Decline to Report ☐ Không được liệt kê ở trên Not listed above:
Di sản/bộ lạc/nguồn gốc quốc gia của gia đình quý vị là gì? What is your family's heritage/tribe/country of origin?	
Staff Only: If this child is applying for ECEAP, and parent has marked Alaska Native/Native American/American Indian, please confirm whether this child is a member or eligible for membership in a Federally recognized tribe.	

Trẻ này đã từng ghi danh vào các chương trình sau đây chưa? Has this child been previously enrolled in these programs?	
☐ Không có None ☐ Hỗ trợ Sớm cho Trẻ sơ sinh và Trẻ mới biết đi (ESIT), IDEA Phần C, ECLIPSE, Can thiệp sớm cho trẻ sơ sinh lên ba Early Support for Infants and Toddlers (ESIT), IDEA Part C, ECLIPSE, or any Birth-to-Three Early Intervention ☐ Head Start / Early Head Start / ECEAP / Early ECEAP ở Quận King hoặc Pierce, Tiểu bang Washington, hoặc một chương trình PSESD Head Start/Early Head Start/ECEAP/Early ECEAP in King or Pierce County, Washington State, or a PSESD program	☐ Head Start / Early Head Start / ECEAP / Early ECEAP ở một Quận khác của Tiểu bang Washington, không phải là một chương trình PSESD Head Start/Early Head Start/ECEAP/Early ECEAP in another Washington State County, not a PSESD program ☐ Chương trình Khởi Đầu cho Người Lao Động Di Cư/Thời Vụ tại bất cứ nơi nào thuộc Bang Washington Migrant/Seasonal Head Start anywhere in Washington State
Lần gần nhất trẻ tham gia là khi nào? When did this child last attend?	Tên và địa điểm tổ chức chương trình Name and location of program:
Hiện trẻ có ghi danh vào một chương trình cộng đồng tại trung tâm này không? Is this child currently enrolled in a community slot at this site?	
☐ Có Yes ☐ Không No	
¿ Trẻ có phải là anh/chi/em ruột của một trẻ hiện đã ghi danh tại trung tâm này không? Is this child a sibling of a child currently enrolled in the program you are applying to? ☐ Có Yes ☐ Không No	



Child's First Name:

Child's Last Name:

Chăm sóc nuôi dưỡng hoặc họ hàng | Foster or Kinship Care

Trẻ có được chính thức nhận nuôi tạm thời tại cơ sở hay được bà con chăm sóc bằng tiền trợ cấp không? | Is this child in official foster care or kinship care with a grant amount? ☐ Có | Yes ☐ Không | No

Nếu có, Mã Trường Hợp hay Số ID Khách Hàng là gì? | If yes, what is the Case Number or Client ID Number?

Tiền trợ cấp/thanh toán hàng tháng là bao nhiêu và nguồn từ đâu? | What is the monthly grant/payment amount and source? \$

☐ DSHS ☐ SSI
☐ Bộ Lạc | Tribe
☐ Khác | Other

Số trẻ được chi trả tiền trợ cấp | # of children covered by grant amount:

Có phải trẻ này được bà con chăm sóc mà không có tiền trợ cấp không? | Is this child in kinship care without a grant amount?

☐ Có | Yes ☐ Không | No

Có phải trẻ này được nhận nuôi sau khi được chăm nuôi tạm thời ở cơ sở hay được bà con chăm sóc hoặc đến từ trại trẻ mồ côi ở quốc gia khác không? | Was this child adopted after foster care or kinship care or from orphanage from another country? ☐ Có | Yes ☐ Không | No

Liệu trẻ này có được đoàn tụ với cha mẹ đẻ sau thời gian chăm nuôi tạm thời ở cơ sở hoặc được bà con chăm sóc không? | Was this child recently reunited with their parent(s) after foster care or kinship care? ☐ Có | Yes ☐ Không | No

Các câu hỏi dưới đây chỉ nhằm mục đích thu thập thông tin. Việc trả lời "Có" sẽ không ảnh hưởng đến điều kiện hay việc ghi danh vào chương trình của quý vị. | The questions below are for information only. Answering "Yes" will not affect your eligibility or enrollment in the program.

Hiện gia đình quý vị có đang nhận các dịch vụ thông qua Dịch Vụ Bảo Vệ Trẻ Em (Child Protective Services, CPS), Phản Hồi Đánh Giá Gia Đình (Family Assessment Response, FAR), Phúc Lợi Trẻ Em Người Da Đỏ (Indian Child Welfare, ICW) hoặc hệ thống tòa án/thực thi pháp luật không? | Does your family currently receive services /support through Child Protective Services (CPS), Family Assessment Response (FAR), Indian Child Welfare (ICW), comparable tribal services, or law enforcement/court system? ☐ Có | Yes ☐ Không | No

Trước đây, gia đình quý vị có từng nhận được các dịch vụ từ CPS/FAR/ICW hay hệ thống tòa án/thực thi pháp luật không? | Has your family received services/support from CPS/FAR/ICW, comparable tribal services, or law enforcement/court system in the past? ☐ Có | Yes ☐ Không | No

Hiện gia đình quý vị có được duyệt cho chăm sóc trẻ thông qua CPS hoặc FAR không? | Is your family currently approved for childcare through CPS or FAR?

☐ Có – Bao nhiêu giờ mỗi tuần? | Yes – How many approved hours per week?

☐ Không | No

Trẻ đã bao giờ bị yêu cầu dừng theo học chương trình giáo dục sớm do vấn đề hành vi chưa? | Has this child ever been asked to leave an early learning program because of behavior issues? ☐ Có | Yes ☐ Không | No

Thông Tin về Trẻ – Sức Khỏe | Child Information – Health

Trẻ có bảo hiểm y tế không? | Does this child have medical insurance? ☐ Có | Yes ☐ Không | No

Nếu có, đó là loại nào? | If yes, ☐ Washington Apple Health/ProviderOne ☐ Bảo Hiểm Tư Nhân | Private Insurance ☐ Bộ Lạc | Tribal ☐ Bảo Hiểm Y Tế Quân Đội | Military Medical Coverage

Trẻ có bác sĩ hoặc phòng khám y tế quen không? | Does this child have a regular doctor or medical clinic?

☐ Có - Tên phòng khám/nhà cung cấp | Yes - Name of clinic/provider:

Tên nhân viên y tế | Name of medical professional:

☐ Không | No

Trẻ có được khám sức khỏe trẻ em trong vòng 12 tháng qua không? | Did this child have a well-child exam within the last 12 months?

☐ Có – Ngày khám gần nhất (tháng/ngày/năm) | Yes – Date of last exam (month/day/year):

☐ Không | No ☐ Không Rõ Ngày Tháng | Date Unknown

Trẻ có bảo hiểm nha khoa không? | Does this child have dental insurance? ☐ Có | Yes ☐ Không | No

Nếu có, đó là loại nào? | If yes, ☐ Washington Apple Health/ProviderOne ☐ Bảo Hiểm Tư Nhân | Private Insurance ☐ Bộ Lạc | Tribal ☐ ABCD ☐ Bảo Hiểm Y Tế Quân Đội | Military Medical Coverage

Trẻ này có nha sĩ hoặc phòng khám nha khoa quen không? | Does this child have a regular dentist or dental clinic?

☐ Có – Tên phòng khám/nhà cung cấp | Yes - Name of clinic/provider:

Tên chuyên gia nha khoa | Name of dental professional:

☐ Không | No

Trẻ này có được khám nha khoa trong vòng 6 tháng qua không? | Did this child have dental exam within the last 6 months?

☐ Có – Ngày khám gần nhất (tháng/ngày/năm) | Yes – Date of last exam (month/day/year):

☐ Không | No ☐ Không Rõ Ngày Tháng | Date Unknown



Child's First Name:

Child's Last Name:

Tình trạng chủng ngừa của con em quý vị là gì? | What is your child's immunization status?

☐ Được chủng ngừa đầy đủ | Fully immunized ☐ Được miễn | Exempt ☐ Chưa được chủng ngừa đầy đủ hoặc chưa được miễn | Not fully immunized or exempt ☐ Không biết | Not sure

Trẻ này có từng được Nhà Cung Cấp Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe chẩn đoán bệnh trạng mạn tính không (có thể gồm vấn đề sức khỏe tâm thần, bệnh hen suyễn, ung thư, tiểu đường, tai biến, hội chứng Rối Loạn Tăng Động Giảm Chú Ý (Attention Deficit Hyperactivity Disorder, ADHD), tự kỷ, tật nứt đốt sống, bệnh hồng cầu lưỡi liềm hoặc dị ứng nguy hiểm đến tính mạng)? | Does this child have a chronic health condition (may include mental health, asthma, cancer, diabetes, seizures, ADHD, autism, spina bifida, sickle cell disease, or life-threatening allergies)?

☐ Có – Vui lòng mô tả | Yes – Please describe:

Bệnh trạng đó được xem là | The health condition is considered:

☐ Nghiêm trọng | Severe ☐ Trung bình | Moderate ☐ Nhẹ | Mild

☐ Không | No

Nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe đã chẩn đoán tình trạng này chưa? | Has a Health Care Provider diagnosed this condition? ☐ Có | Yes ☐ Không | No

Thông Tin Trẻ Em - Sự Phát Triển | Child Information - Development

Quý vị có quan ngại nào về sức khỏe của trẻ không? | Do you have concerns about this child's health?

☐ Có – đánh dấu tất cả các câu trả lời thích hợp dưới đây | Yes – check all that apply below ☐ Không | No

☐ Sơ sinh nhẹ cân (chưa đầy 5,5 lbs/5 lbs 8 oz.) | Low birth weight (less than 5.5 lbs/5 lbs 8 oz.)

☐ Sinh non trước 37 tuần | Preterm birth less than 37 weeks

☐ Ảnh hưởng bởi ma túy/rượu bia | Drug/alcohol affected

☐ Thính lực | Hearing

☐ Vận động tinh/vận động thô | Fine motor/gross motor

☐ Đau răng/sâu răng/chảy máu nướu | Tooth pain/decay/bleeding gums

☐ Dung nạp thức ăn/chế độ ăn đặc biệt – Vui lòng mô tả | Food intolerance/special diet – Please describe:

Trẻ này có Chương Trình Giáo Dục Cá Nhân (Individual Education Plan, IEP) hay Chương Trình Dịch Vụ Gia Đình Cá Nhân (Individual Family Service Plan, IFSP) hiện hành và đang áp dụng không? | Does this child have a current and active Individual Education Plan (IEP) or Individual Family Service Plan (IFSP)?

☐ Có – Vui lòng cung cấp bản sao chương trình đó cùng với hồ sơ. | Yes – Please provide a copy with your application.

☐ Không – Đánh dấu vào câu trả lời thích hợp | No – Check if any of these apply:

☐ Con tôi đã được đánh giá và được xác định là đủ điều kiện tham gia IEP, nhưng chúng tôi đang chờ IEP được cấp hoặc từ chối dịch vụ. | My child had an evaluation and was determined eligible for an IEP, but we are waiting for IEP to be issued or declined services.

☐ Con tôi đã từng có IFSP trước đây nhưng không chuyển sang IEP với khu học chánh. | My child has had an IFSP in the past but did not transition to an IEP with the school district.

☐ Con em tôi được chẩn đoán có khuyết tật hoặc chậm phát triển, không có IEP hoặc đang được giới thiệu đi đánh giá. | My child has a diagnosed developmental delay or disability with no IEP, or is being referred for evaluation.

☐ Trẻ bị nghi ngờ có khuyết tật hoặc chậm phát triển. | My child has a suspected developmental delay or disability.

☐ Tôi lo lắng về sự phát triển của con tôi. | I have concerns about my child's development.

☐ Không ai | None

Thông Tin về Cha/Mẹ/Người Giám Hộ | Parent/Guardian Information

Trẻ sống với | This child lives with:

☐ Một người cha/mẹ/người giám hộ (hoàn thành thông tin của Cha/Mẹ/Người Giám Hộ 1) | One parent/guardian (complete Parent/Guardian 1)

☐ Hai cha mẹ/người giám hộ trong cùng một hộ gia đình (hoàn thành thông tin của Cha/Mẹ/Người Giám Hộ 1 & 2) | Two parents/guardians in the same household (complete Parent/Guardian 1 & 2)

☐ Hai cha mẹ/người giám hộ trong hai hộ gia đình (hoàn thành thông tin của Cha/Mẹ/Người Giám Hộ 1 & 2) | Two parents/guardians in two households (complete Parent/Guardian 1 & 2)



Child's First Name:

Child's Last Name:

	Cha/Mẹ/Người Giám Hộ 1 Parent/Guardian 1	Cha/Mẹ/Người Giám Hộ 2 Parent/Guardian 2
Tên First Name		
Họ Last Name(s)		
Mối quan hệ với trẻ Relationship to child	☐ Quan Hệ Ruột Thịt/Nhận Nuôi/Cha Mẹ Kế Biological/Adopted/Stepparent ☐ Ông/Bà Nuôi Foster Parent ☐ Cô/đi/chú/bác Aunt/Uncle ☐ Tạm Thời Grandparent ☐ Cô/đi/chú/bác Other:	☐ Quan Hệ Ruột Thịt/Nhận Nuôi/Cha Mẹ Kế Biological/Adopted/Stepparent ☐ Ông/Bà Nuôi Foster Parent ☐ Cô/đi/chú/bác Aunt/Uncle ☐ Tạm Thời Grandparent ☐ Cô/đi/chú/bác Other:
Giới Tính Gender	☐ Nam M ☐ Nữ F	☐ Nam M ☐ Nữ F
Ngày Sinh (tháng/ngày/năm) Date of Birth (month/day/year)		
Địa Chỉ (gồm Thành Phố, Tiểu Bang, Mã Bưu Chính) Address (include City, State, Zip)		
Điện Thoại Phone	☐ Nhà Home ☐ Di Động Cell ☐ Nơi Làm Việc Work	☐ Nhà Home ☐ Di Động Cell ☐ Nơi Làm Việc Work
Số Điện Thoại Khác Alternate Phone	☐ Nhà Home ☐ Di Động Cell ☐ Nơi Làm Việc Work	☐ Nhà Home ☐ Di Động Cell ☐ Nơi Làm Việc Work
Email		
Khi sinh trẻ này, có phải quý vị dưới 18 tuổi không? Were you under age 18 when this child was born?	☐ Có Yes ☐ Không No ☐ Không áp dụng N/A	☐ Có Yes ☐ Không No ☐ Không áp dụng N/A
Quý vị nói (những) ngôn ngữ nào? What language(s) do you speak?		
Quý vị có cần thông dịch viên cho ngôn ngữ này không? Do you need an interpreter for this language?	☐ Có Yes ☐ Không No	☐ Có Yes ☐ Không No
Bạn hoặc bất kỳ thành viên nào trong gia đình bạn có ADA hoặc các nhu cầu tiếp cận khác mà chúng tôi có thể hỗ trợ không? Do you or any members of your family have ADA or other accessibility needs we can support?	☐ Có Yes ☐ Không No	☐ Có Yes ☐ Không No



Child's First Name:

Child's Last Name:

	Cha/Mẹ/Người Giám Hộ 1 Parent/Guardian 1	Cha/Mẹ/Người Giám Hộ 2 Parent/Guardian 2
Bạn là (Đánh dấu tất cả các câu trả lời thích hợp) You are (check all that apply):	☐ Người gốc Phi/Người Mỹ gốc Phi/Người Da Đen African/African American/Black ☐ Châu Á Asian ☐ Người Alaska Bản Địa/Người Mỹ Bản Địa/Người Da Đỏ Alaska Native/Native American/American Indian ☐ Người Tây Ban Nha/Latinh Hispanic/Latino ☐ Người Hawaii Bản Địa hoặc Người Đảo Thái Bình Dương Native Hawaiian or Pacific Islander ☐ Người Da Trắng White ☐ Từ chối báo cáo Decline to Report ☐ Người Da Trắng Not listed above:	☐ Người gốc Phi/Người Mỹ gốc Phi/Người Da Đen African/African American/Black ☐ Châu Á Asian ☐ Người Alaska Bản Địa/Người Mỹ Bản Địa/Người Da Đỏ Alaska Native/Native American/American Indian ☐ Người Tây Ban Nha/Latinh Hispanic/Latino ☐ Người Hawaii Bản Địa hoặc Người Đảo Thái Bình Dương Native Hawaiian or Pacific Islander ☐ Người Da Trắng White ☐ Từ chối báo cáo Decline to Report ☐ Người Da Trắng Not listed above:
Trình độ học vấn cao nhất mà quý vị đã hoàn thành là gì? What is the highest level of education you completed?	☐ Lớp 6 trở xuống 6 th grade or less ☐ Lớp 7 đến lớp 12, không có bằng tú tài hay Phát Triển Giáo 7 th to 12 th grade, no diploma or GED ☐ Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông High school diploma ☐ GED ☐ Có học ở trường cao đẳng/đào tạo nâng cao Some college/advanced training ☐ Chứng chỉ cao đẳng / chuyên nghiệp College/professional certificate ☐ Bằng tốt nghiệp cao đẳng/chứng chỉ nghề Associate degree ☐ Bằng cử nhân Bachelor's degree ☐ Bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ Master's or doctorate degree ☐ Không có None	☐ Lớp 6 trở xuống 6 th grade or less ☐ Lớp 7 đến lớp 12, không có bằng tú tài hay Phát Triển Giáo 7 th to 12 th grade, no diploma or GED ☐ Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông High school diploma ☐ GED ☐ Có học ở trường cao đẳng/đào tạo nâng cao Some college/advanced training ☐ Chứng chỉ cao đẳng / chuyên nghiệp College/professional certificate ☐ Bằng tốt nghiệp cao đẳng/chứng chỉ nghề Associate degree ☐ Bằng cử nhân Bachelor's degree ☐ Bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ Master's or doctorate degree ☐ Không có None
Quý vị hiện có đi làm không? Are you currently employed?	☐ Có – Bao nhiêu giờ mỗi tuần (tính cả thời gian đi lại)? Yes – How many hours per week (including travel)? Tên và số điện thoại sở làm Employer name & phone #: ☐ Không No ☐ Không, tôi đã nghỉ hưu hoặc có khuyết tật No, retired or disabled ☐ Lao động thời vụ Seasonal	☐ Có – Bao nhiêu giờ mỗi tuần (tính cả thời gian đi lại)? Yes – How many hours per week (including travel)? Tên và số điện thoại sở làm Employer name & phone #: ☐ Không No ☐ Không, tôi đã nghỉ hưu hoặc có khuyết tật No, retired or disabled ☐ Lao động thời vụ Seasonal
Quý vị hiện có đi học hoặc tham gia chương trình đào tạo nghề không? Are you currently in job training or school?	☐ Có – Bao nhiêu giờ mỗi tuần (tính cả thời gian học trên lớp, tự học và đi lại)? Yes – How many hours per week (including class time, study time, travel)? Tên trường & chuyên ngành/mục tiêu School name & major/goal: ☐ Không No	☐ Có – Bao nhiêu giờ mỗi tuần (tính cả thời gian học trên lớp, tự học và đi lại)? Yes – How many hours per week (including class time, study time, travel)? Tên trường & chuyên ngành/mục tiêu School name & major/goal: ☐ Không No
Quý vị có đang tham gia hoạt động WorkFirst được phê duyệt không? Are you in an approved WorkFirst activity?	☐ Có – Mô tả hoạt động và số giờ được phê duyệt mỗi tuần Yes – Describe the activity and the number of approved hours per week: ☐ Không No	☐ Có – Mô tả hoạt động và số giờ được phê duyệt mỗi tuần Yes – Describe the activity and the number of approved hours per week: ☐ Không No



Child's First Name:			Child's Last Name:		
	Cha/Mẹ/Người Giám Hộ 1 Parent/Guardian 1		Cha/Mẹ/Người Giám Hộ 2 Parent/Guardian 2		
Quý vị có đang hoặc đã từng phục vụ quân đội Hoa Kỳ không? Are you or have been in the U.S. military?	☐ Có, tôi hiện đang phục vụ Yes, current service member		☐ Có, tôi hiện đang phục vụ Yes, current service member		
	☐ Có, tôi hiện đang hoặc đã được triển khai trong 12 tháng qua/trong tổng cộng 19 tháng Yes, currently deployed or have been in the last 12 months/for a total of 19 months		☐ Có, tôi hiện đang hoặc đã được triển khai trong 12 tháng qua/trong tổng cộng 19 tháng Yes, currently deployed or have been in the last 12 months/for a total of 19 months		
	☐ Có, tôi là cựu chiến binh Yes, veteran		☐ Có, tôi là cựu chiến binh Yes, veteran		
	☐ Không No		☐ Không No		

Quan Ngại về Gia Đình | Family Concerns

Vui lòng đánh dấu vào các vấn đề mà quý vị có quan ngại về bản thân/hộ gia đình mình. | Please check areas of concern that you have for yourself/family in your household.

☐ Trong hộ gia đình có người khuyết tật hoặc tình trạng sức khỏe thể chất hoặc tâm thần mạn tính và Household member has a disability or has a chronic physical or mental health condition and is: ☐ Không thể tham gia vào công việc / trường học / cuộc sống gia đình Unable to engage in work/school/family life ☐ Một phần nào đó có thể tham gia vào công việc / trường học / cuộc sống gia đình Somewhat able to engage in work/school/family life ☐ Hầu hết có thể tham gia vào công việc / trường học / cuộc sống gia đình Mostly able to engage in work/school/family life	☐ Gia đình bị cô lập về mặt xã hội, thiếu liên lạc hoàn toàn hoặc gần như hoàn toàn với những người khác Family is socially isolated, with complete or near-complete lack of contact with others ☐ Mối quan tâm của cha mẹ / người giám hộ của trẻ về việc kiếm hoặc giữ một công việc Child's parent/guardian concern for getting or keeping a job ☐ Gia đình có quan ngại về pháp lý Family has legal concerns ☐ Con có một thành viên trong gia đình đã học trường Nội trú Ấn Độ Child has a family member who attended Indian Boarding School ☐ Cha mẹ / người giám hộ của trẻ là lao động nhập cư hoặc thời vụ với hơn một nửa thu nhập của gia đình đến từ công việc nông nghiệp Child's parent/guardian is a migrant or seasonal worker with more than half of family income coming from agricultural work	☐ Cha mẹ và con cái chuyển sang tham gia vào các hoạt động văn hóa truyền thống hoặc việc làm (theo thời vụ hoặc tạm thời trong nông nghiệp hoặc đánh cá) Parent and child moved to engage in traditional cultural practices or employment (seasonal or temporary in agricultural or fishing) ☐ Cha mẹ/người giám hộ của đứa trẻ đang/đã bị giam giữ Child's parent/guardian is/has been incarcerated ☐ Mất cha mẹ (cái chết, sự bỏ rơi) Loss of a parent (death, abandonment) ☐ Cha mẹ / người giám hộ của trẻ đã ly hôn hoặc ly thân trong suốt cuộc đời của trẻ Child's parents/guardians divorced or separated during child's life ☐ Gia đình trước đây vô gia cư (trong 12 tháng qua) Family previously homeless (in the last 12 months) ☐ Mối quan tâm của gia đình với nhà ở Family concerns with housing ☐ Không có None
☐ Cha / mẹ / người giám hộ gặp khó khăn trong học tập, không khuyết tật Child's parent/guardian has learning difficulties, no disability ☐ Bạo lực gia đình ở hộ gia đình (trước đây hoặc hiện tại), kể cả khi còn trong bụng mẹ Household domestic violence (past or current), including in utero ☐ Các vấn đề về ma túy / rượu trong gia đình hoặc lạm dụng chất kích thích (trước đây hoặc hiện tại), bao gồm cả trong tử cung Household drug/alcohol issues or substance abuse (past or current), including in utero		



Child's First Name:

Child's Last Name:

Điều Kiện Sinh Hoạt của Gia Đình | Family Living Situation

Hộ gia đình này có nhận được nhà ở trợ cấp như phiếu nhà ở hoặc hỗ trợ tiền mặt để có nhà ở không? | Does this household receive subsidized housing such as a housing voucher or cash assistance for housing? ☐ Có | Yes ☐ Không | No

Tình trạng nhà ở hiện tại của gia đình quý vị là gì? Đạo Luật McKinney-Vento cung cấp các dịch vụ và hỗ trợ trẻ em và thanh thiếu niên vô gia cư. Các câu trả lời của quý vị có thể giúp chúng tôi xác định được các dịch vụ mà con em quý vị đủ điều kiện được nhận. | What is your family's current housing situation? The McKinney-Vento Act provides services and supports for children and youth experiencing homelessness. Your answers may help us determine the services your child may be eligible to receive.

- ☐ Sở hữu | Own ☐ Trong nhà của người khác hoặc căn hộ với gia đình khác (chọn một tùy chọn bên dưới) | In someone else's house or apartment with another family (select one option below):
- ☐ Thuê | Rent ☐ Theo lựa chọn (ví dụ: chia sẻ trách nhiệm, gần gũi với gia đình, v.v.) | By choice (e.g., to share responsibilities, to be close to family, etc.)
- ☐ Quân đội – chờ nhà ở vĩnh viễn | Military – waiting for permanent housing ☐ Do mất nhà ở, khó khăn về kinh tế hoặc lý do tương tự | Due to loss of housing, economic hardship, or similar reason
- ☐ Trong một nhà nghỉ | In a motel ☐ Nhà ở Chuyển tiếp | Transitional Housing
- ☐ Trong một nơi trú ẩn | In a shelter ☐ Di chuyển từ nơi này sang nơi khác / lướt đi vắng | Moving from place to place/couch surfing
- ☐ Ô tô, công viên, khu cắm trại hoặc vị trí tương tự | A car, park, campsite, or similar location ☐ Trong một nơi ở không đầy đủ tiện nghi (không có nước, nóng, điện) | In a residence with inadequate facilities (no water, heat, electricity)
- ☐ Khác – Vui lòng nêu rõ | Other – Please describe:

Thu Nhập Gia Đình và Quy Mô Gia Đình | Family Income and Family Size

Cha mẹ/người giám hộ trong hộ gia đình của bạn có trả tiền cấp dưỡng nuôi con có ràng buộc pháp lý cho hộ gia đình khác không? | Does a parent/guardian in your household pay legally binding child support to another household? ☐ Có | Yes ☐ Không | No

Đánh dấu tất cả các câu trả lời thích hợp nếu quý vị, trẻ hay người khác sống trong nhà và có quan hệ huyết thống, hôn nhân hay nhận nuôi với quý vị được nhận các loại Trợ Cấp Công Cộng dưới đây | Check all that apply if you, this child, or another person living in your home related to you by blood, marriage, or adoption receive these types of Public Assistance:

- ☐ SSI cho người khuyết tật với người nhận là | SSI for disability received by: ☐ Trẻ | Child ☐ Cha/Mẹ/Người Giám Hộ | Parent/Guardian
- ☐ Người Khác – Mối quan hệ với trẻ | Other – Relationship to child:
- ☐ Tiền Hỗ Trợ Tạm Thời cho các Gia Đình Gặp Khó Khăn (TANF) | Temporary Assistance for Needy Families (TANF) cash
- ☐ TANF dành riêng cho trẻ em | Child-only TANF
- ☐ Thực phẩm cơ bản (SNAP / FAP) | Basic Food (SNAP/FAP)
- ☐ WorkFirst
- ☐ Trợ cấp Trông Giữ Trẻ Kết Nối Làm Việc (Working Connections) | Working Connections Child Care subsidy
- ☐ WIC
- ☐ Không có | None

Có phải quý vị được một tổ chức giới thiệu đến với chương trình này không? | Were you referred to this program by an agency?

☐ Không | No ☐ Vâng, tên | Yes - Name:

Bạn biết đến chương trình này bằng cách nào? | How did you find out about this program?



Child's First Name:

Child's Last Name:

Vui lòng liệt kê tất cả những người sống trong hộ gia đình chính của đứa trẻ này. | Please list all people living in this child's primary household.

Tên (Tên và Họ) Name (First and Last)	Ngày sinh (tháng/ngày/năm) Birthdate (month/day/year)	Mối quan hệ với trẻ Relationship to child	Người này có được cha mẹ/người giám hộ hỗ trợ tài chính không? Is this person financially supported by parent/guardian of child?	Người này có liên quan đến cha mẹ / người giám hộ của đứa trẻ bằng huyết thống, hôn nhân hay nhận con nuôi không? Is this person related to parent/guardian of child by blood, marriage, or adoption?
Đứa trẻ Applying Child		Đứa trẻ Applying Child	☐ Có Yes ☐ Không No	☐ Có Yes ☐ Không No
Phụ huynh/người giám hộ Parent/Guardian		Phụ huynh/người giám hộ Parent/Guardian	☐ Có Yes ☐ Không No	☐ Có Yes ☐ Không No
Phụ huynh/người giám hộ Parent/Guardian		Phụ huynh/người giám hộ Parent/Guardian	☐ Có Yes ☐ Không No	☐ Có Yes ☐ Không No
			☐ Có Yes ☐ Không No	☐ Có Yes ☐ Không No
			☐ Có Yes ☐ Không No	☐ Có Yes ☐ Không No
			☐ Có Yes ☐ Không No	☐ Có Yes ☐ Không No
			☐ Có Yes ☐ Không No	☐ Có Yes ☐ Không No
			☐ Có Yes ☐ Không No	☐ Có Yes ☐ Không No
			☐ Có Yes ☐ Không No	☐ Có Yes ☐ Không No
			☐ Có Yes ☐ Không No	☐ Có Yes ☐ Không No

Tôi cam kết rằng thông tin trên mẫu đơn này là đúng sự thật và chính xác. Tôi có quyền ghi danh cho đứa trẻ này và sẽ báo cáo tất cả thu nhập cũng như quy mô gia đình của tôi, theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục Mầm non. Nếu tôi cố tình cung cấp thông tin sai lệch, tôi hiểu rằng gia đình tôi có thể không thể tiếp tục các dịch vụ của chương trình. Ngoài ra, nếu con tôi ghi danh vào ECEAP, tôi có thể phải hoàn trả số tiền đã chi cho con tôi.

Tôi hiểu rằng thông tin từ hồ sơ ghi danh này sẽ được nhập vào nhiều cơ sở dữ liệu Giáo dục Trẻ Thơ khác nhau do Sở Quản Lý Trẻ Em, Thanh Thiếu Niên và Gia Đình (Department of Children, Youth, and Families, DCYF) và Ty Dịch Vụ Giáo dục Puget Sound (Puget Sound Educational Service District, PSESD) điều hành. DCYF và PSESD cam kết bảo vệ thông tin bảo mật và thông tin cá nhân có thể nhận dạng danh tính con em hoặc gia đình quý vị. Thông tin về tình trạng di trú sẽ không được nhập vào cơ sở dữ liệu hoặc chia sẻ với các cơ quan của tiểu bang hoặc liên bang. Thông tin trong cơ sở dữ liệu có thể được dùng để phục vụ:

- Các công trình nghiên cứu nhằm xác định xem liệu tham gia vào chương trình Giáo dục Trẻ Thơ có giúp ích cho trẻ em trong cuộc sống sau này hay không.
- Chứng minh rằng Bang Washington có chi trả một phần ngân sách riêng cho các chương trình dành cho các gia đình, những người cần nhận tiền Hỗ Trợ Tạm Thời cho các Gia Đình Gặp Khó Khăn từ chính phủ liên bang.

I promise that the information on this form is true and correct. I have authority to enroll this child and will report all my income and family size, as required by the Early Learning Programs. If I knowingly provide false information, I understand my family may be unable to continue program services. Additionally, if my child is enrolled in ECEAP, I may have to repay the amount spent on my child.

I understand that information from this application is entered in various Early Learning databases operated by the Department of Children, Youth, and Families (DCYF) and Puget Sound Educational Service District (PSESD). DCYF and PSESD are committed to protecting confidential and personal information that could identify a child or family. No information related to immigration status is entered in the databases or shared with state or federal agencies. Information in the databases may be used for the following:

- Research studies to determine if participating in Early Learning helps children later in life.
- To prove Washington State spends some of their own dollars on programs for families, which is required to receive Temporary Assistance for Needy Families dollars from the federal government.

Chữ Ký của Cha/Mẹ/Người Giám Hộ | Parent/Guardian Signature _____

Ngày | Date _____ (ECEAP Staff: Enter this date in ELMS)

***Staff Only – If not signed, complete below. Parent signature must be obtained as soon as possible, or no later than the enrollment visit.**

Reviewed and received verbal verification on (date):

Staff Initials:

(ECEAP Staff: Enter this date in ELMS if not signed – you cannot update this once the ELMS application is locked)

